

# Làng Võ Liệt

■ **Trần Hữu Đức**  
*Hội Văn nghệ dân gian Nghệ An*

Làng Võ Liệt nằm trên doi đất cao phù sa bên bờ sông Lam, là nơi lỵ sở của huyện Thanh Chương từ thời Hậu Lê (Lê Lợi). Đây là nơi hội tụ của ngã ba sông núi, có một vị trí chiến lược về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Có đường mòn Hồ Chí Minh từ ngoài Bắc vào đi ngang qua địa bàn, gần đường du lịch ven sông Lam đi thành phố Vinh và ngược lên huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Đô Lương lên miền Tây Nghệ An; Có tuyến đường sông Rộ theo dòng Lam Giang xuôi về thành phố Vinh, qua Cửa Hội ra biển và cũng từ đây theo đường sông Rộ đi lên Đô Lương, ngược lên miền Tây Nghệ An. Cũng từ làng theo đường sông qua huyện Đức Thọ đi lên Hương Sơn (tỉnh Hà Tĩnh). Làng nằm trên vùng đất đặc địa, từ xưa đã có nhiều dòng họ đến cư trú, lập nghiệp như họ Nguyễn, họ Trần, họ Hoàng, họ Trịnh, họ Bạch, họ Tôn, họ Phan, họ Võ, họ Dương... đến thời Lê, mật độ dân cư đã đông đúc, làm ăn buôn bán thịnh vượng, dân tứ xứ đổ về, trên chợ dưới thuyền nhộn nhịp, thời phong kiến được chọn làm lỵ sở của một huyện, thông thương từ phía nổi ra các vùng trong cả nước.

1. Vùng đất này có nhiều di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng. Phía Đông làng là Đình Võ Liệt trước đây có tên là Quán Hàng Tổng, do Hội Văn của Tổng Võ Liệt lập ra để thờ Khổng Tử và những người tiên hiền đậu đạt ở địa phương. Đình được xây dựng vào năm 1859 và đến năm 1860 thì hoàn thành. Đình do ông Hoàng Chính Trực chủ trì thiết kế, xây dựng sau khi ông đậu Cử nhân (1858). Trước khi xây dựng đình, ông Tú tài Hoàng Chính Trực đã nghiên cứu, thăm thú, tuần du để tìm hiểu kiến trúc ở Thăng Long, Thanh Hóa. Sau đó, ông về quê bàn với các nhà Nho trong Hội Văn của Tổng làm đình Võ Liệt.

Đình Võ Liệt là một di tích văn hóa có kiến trúc khá độc đáo trong hệ thống

đình làng Việt Nam. Cổng đình có kết cấu theo kiểu đình làng Bắc Bộ cổ truyền với 4 trụ cổng vững chãi tạo thành 1 cổng chính và 2 cổng phụ: tả, hữu. Hai bên sân đình là hai nhà bia, mỗi nhà có 3 tấm bia ghi họ tên bằng chữ Hán của 445 người đỗ đạt của Tổng Võ Liệt, trong đó có 377 Tú tài, 63 Cử nhân, 2 Tiến sỹ và 3 Phó bảng, tiêu biểu như Tú tài Trần Văn Thăng, Nguyễn Cảnh, Đỗ Đức Cao, Nguyễn Đình Thực...(thời Lê), Cử nhân Vũ Duy Tân, Tống Huy Viên, Phan Sỹ Nhiếp, Hoàng Nho Nhã, Hồ Sỹ Tạo...(thời Nguyễn). Đầu xuân, tại đình Võ Liệt diễn ra nhiều lễ hội dân gian để nhớ ơn Phan Đà. Tháng 2 âm lịch có lễ Tế Hiệp, tháng 8 âm lịch có lễ cúng Đức Khổng Tử. Cứ 3 năm một lần, nhân dân lại tổ chức lễ Kỳ Khoa vào ngày khai hạ mồng 7 tháng Giêng âm lịch. Thí sinh các nơi tập trung tại đình Võ Liệt nghe bình giảng thơ phú kinh nghĩa. Trong ngày hội diễn ra nhiều trò chơi dân gian như: vật cù, đua thuyền, trồng cây chuối...

Đình Võ Liệt không chỉ là di tích lịch sử văn hóa mà còn là di tích lịch sử cách mạng có vị trí quan trọng trong hệ thống di tích trên mảnh đất Nghệ Tĩnh. Nơi đây đã ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử, tiêu biểu trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930-1931)... Phát huy truyền thống yêu nước có từ lâu đời, khi phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh nổ ra, nhân dân Thanh Chương đã vùng lên đấu tranh mạnh mẽ. Sáng ngày 1/6/1930, nhân dân đã tay gậy, tay thước tập trung tại đình Võ Liệt, rồi kéo lên huyện đường đưa yêu sách. Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, tri huyện Phan Thanh Kỳ phải chấp nhận bản yêu sách của quần chúng với lời hứa sẽ đệ trình lên quan trên xem xét, giải quyết.

Ngày 1/9/1930, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Thanh Chương, 2 vạn nhân dân trong 5 tổng đã vượt sông Lam sang vây

phá huyện đường, khiến tri huyện, nha lại hoảng sợ phải bỏ chạy lên đồn Thanh Quả. Trước sự tan rã của bộ máy hương hào ở địa phương, chi bộ Đảng đã họp ở đình Võ Liệt quyết định thành lập tổ chức Nông hội đỏ, đại diện cho quyền lợi của người lao động và công khai giải quyết mọi công việc như một chính quyền cách mạng. Đình Võ Liệt trở thành trụ sở làm việc của chính quyền Xô Viết... Cũng trong thời kỳ này, các hoạt động như diễn thuyết, tổ chức học chữ quốc ngữ, đọc bài quốc tế ca, treo cờ Đảng và nhiều sinh hoạt văn hóa, văn nghệ khác được tổ chức thường xuyên tại đình. Đây cũng là địa điểm có nhiều nhà Nho hay chữ ở các nơi khác được nhân dân mời về dạy học cho con em, trong đó có thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh là cụ Nguyễn Sinh Sắc và các cụ Tôn Lộ Xuyên, cụ Phan Bội Châu, cụ Cừ Độ, cụ Cừ Vành...

2. Ngoài cảnh sắc, nơi đây còn có một hệ thống đình chùa miếu mạo phong phú. Trong đó, đền Bạch Mã là một di tích nổi tiếng, bởi kiến trúc độc đáo và sự linh thiêng của vị thần được phụng thờ. Từ xưa, đền đã được coi là một trong những ngôi đền lớn của xứ Nghệ: Nhất Cờn, nhì Quả, tam Bạch Mã, tứ Chiêu Trưng...

Đền Bạch Mã nằm trên địa bàn thôn Tân Hà, xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, cạnh đường Hồ Chí Minh về quê Bác, cách cầu Rộ về phía Tây khoảng 3km. Theo truyền thuyết và đền phả thì đền Bạch Mã được lập để thờ danh tướng Phan Đà, người thôn Chi Linh, xã Võ Liệt, một trong những người đã có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Minh ở thế kỷ 15. Sử cũ và truyền thuyết ở Nghệ An và xã Võ Liệt cho biết: tuổi trẻ Phan Đà là cậu bé thông minh, tuấn tú có tài võ nghệ, giỏi bắn cung, sớm trở thành người nổi tiếng trong vùng được nhân dân tin yêu, bạn bè mến phục. Năm 1418, Bình Định Vương Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn Thanh Hóa, sau rút về tại Nghệ An. Phan Đà đã đưa toàn bộ nghĩa quân của mình xin gia nhập vào nghĩa quân của Lê Lợi và lập được nhiều công lớn. Trong một lần dò la tin tức quân địch, ông bị lộ tung tích và bị bao vây. Mặc dù có tài võ nghệ và sức khỏe hơn người nhưng Phan Đà đã bị trúng thương. Con ngựa bạch có tên là “thiên lý mã” đưa ông về đến trại thì mất. Năm đó, Phan Đà mới 24 tuổi.

Cảm thương và đánh giá công lao của ông, sau ngày đất nước sạch bóng quân xâm lược, vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) đã truy phong cho ông là “Đô Thiên Đại Đế Bạch Mã Thượng Đẳng Phúc Thần”, cho lập đền thờ và liệt

## XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

vào hàng “Điện lễ Quốc tế” (nghĩa là tế lễ theo nghi thức nhà nước do quan triều đình làm chủ tế). Về sau, các triều đại phong kiến đã tiếp tục sắc phong hơn 100 đạo sắc và gia phong là Thượng Thượng Thượng Đẳng tối linh tôn thần.

Không những nổi tiếng linh thiêng, Đền Bạch Mã còn là một công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, văn hóa. Là công trình tưởng niệm một danh tướng do đích thân nhà vua ra chiếu chỉ nên đã được đầu tư thực hiện cẩn thận. Công trình gồm có Tam Quan, Nghi Môn, Thượng điện, Trung điện, Hạ điện, Tả vu và Hữu vu. Tam quan có tam quan ngoài và tam quan trong, Tam quan ngoài là cửa ra vào đền, gồm 2 cổng chính và một cổng phụ được liên kết với nhau bằng một mảng tường chính và hệ thống cột nanh, cột trụ. Bê mặt thân trụ trang trí rồng, cá vượt vũ môn, cá hóa rồng. Mặt trước các bức tường đắp nổi hình voi chiến, ngựa chiến, hổ. Phía trước cổng được đắp hình 2 voi chiến và 2 quân voi, hai bên mặt đối diện cột nanh ghi 2 câu đối được dịch là *“Trời rung đất chuyển công lao vĩ đại, triều đình khen thưởng khí sắc phong. Nước biếc non xanh, chuông thật linh thiêng, vũ trụ khua vang yên cảnh phúc”*. Đây là đôi câu đối nhằm ca ngợi cảnh đẹp và sự linh thiêng của đền Bạch Mã, đồng thời ca ngợi công lao to lớn của vị thần Phan Đà. Qua Tam quan ngoài đến Tam quan trong là cửa thứ 2 của đền còn gọi là Nghi môn gồm: chính môn, hữu môn và tả môn kiến trúc kiểu cửa vòm 2 lầu, mặt đối diện cửa chính đắp nổi tượng quan văn, quan võ. Hai nhà của Nghi môn và Hạ điện tạo thành khuôn viên bao quanh sân đền. 2 nhà này dùng làm nơi tiếp khách và để các đồ dùng trước khi hành lễ. Trong mỗi nhà có một ngựa và một cỗ xe ngựa - 1 ngựa bạch, 1 ngựa hồng. Đây là con vật tượng trưng cho phương tiện vị thần đã từng sử dụng trước lúc ra trận. Tiếp đến là nhà Hạ điện

nằm giữa sân đền, được xây dựng khá công phu, gồm 2 tầng chông diêm 8 mái. Nhà có 4 cột gỗ mít cấu tạo suốt cho hai tầng, cột vuông thành sắc cạnh. Nhà Hạ điện được dùng làm nơi hành lễ của du khách, chính giữa nhà đặt một khán thờ, trên các bờ mái bờ nóc là hình lưỡng long triều nguyệt, các đầu đao cong vuốt tăng thêm vẻ đẹp cổ kính cho ngôi đền. Sau nhà Hạ điện là Trung điện, phía trước đóng cửa bàn khoa, phía sau để trống thông với nhà Thượng điện, 2 hồi thưng ván, có rất nhiều đồ tế khí tập trung ở gian giữa. Đứng từ xa có thể thấy mặt trước nhà Trung điện giống như một bức tranh muôn màu muôn vẻ, toàn bộ cửa, thân cột, mặt tiền, các vì kèo được chạm trổ rất tinh vi, trang trí các con vật trong tứ linh, tứ quý. Trần nhà Thượng điện, gian giữa làm bằng gỗ, sơn màu đen bóng loáng. Ở đây, có thể thấy rất nhiều đồ tế khí được chạm trổ công phu, tỉ mỉ, sơn son thiếp vàng rực rỡ với nhiều hình thức phong phú, đa dạng và quý hiếm, trong đó có con gà tể và bộ lục lạc đeo cổ ngựa làm bằng đồng nguyên chất là quý hiếm nhất.

Với những gì còn gìn giữ được cho đến hôm nay, đền Bạch Mã là một di tích đẹp, một trong những chứng tích hùng hồn thể hiện khí phách và những đóng góp quan trọng của một tướng quân, của những con người và một vùng đất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc; thể hiện sự tài hoa của các bậc tiền nhân và thể hiện sự tôn trọng của nhà nước phong kiến đối với những người đã có công khai quốc, thể hiện lòng ngưỡng mộ của các thế hệ nhân dân đối với một con người đã được coi như thần thánh.



Rước kiệu tại Lễ hội đền Bạch Mã, huyện Thanh Chương

Từ bao đời nay, đền trở thành nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh của người dân quan vùng. Hàng năm, đến rằm tháng Giêng và rằm tháng 7 âm lịch, dân làng lại long trọng tổ chức lễ tế thần cầu yên, cầu phúc; nơi sinh hoạt văn hóa đậm đà bản sắc như đấu vật, chọi gà, đánh cờ, hát ca trù và là nơi khẩn cầu thành hoàng giúp đỡ con em qua mỗi kỳ thi, đua tài văn bút, là nơi giáo dục truyền thống cho bao thế hệ. Các cụ còn nhớ lại các bà vợ quan huyện Thanh Chương thời đó thường hay cùng với dân chợ Rộ đến thắp hương cầu an, cầu phúc, cầu may tại đền và làm công đức tu sửa đền hàng năm.

3. Làng có chợ Rộ hình thành cách đây đã hàng trăm năm, xưa gọi là chợ Phủ (có phủ huyện Thanh Chương), sau này dân gian gọi là chợ Rộ, do có bến đò Rộ chèo qua. Xưa kia cạnh chợ có ngôi nhà 2 tầng của một nhà mại bán người Việt gốc Hoa. Huyện đường là những ngôi nhà xây lớn, trước mặt có một cái bầu vuông vức, thông dong vải chú ngựa gặm cỏ bên vệ đường, trước cổng lớn nhận nhịp các anh lính lệ, lính khố xanh và chức dịch vào ra... Trong khuôn viên huyện đường có cây phượng vĩ cổ thụ sánh đôi với cây bạch ngọc trở hoa thơm ngát.

Ban đầu chợ hình thành do người qua lại trên bến đò trao đổi mua bán hàng nông sản như chè, cau trầu, tôm cá của dân vạn chài đánh bắt ở sông Rộ, về sau bà con nông dân quanh vùng đưa gạo, lúa, ngô khoai, sản phẩm xuất được đem bán. Sau chợ lớn dần chuyên lên bờ trên cao sông Rộ họp dưới gốc cây đa, cây bàng bóng mát. Sau này, tiểu thương, tiểu chủ buôn bán chuyên nghiệp bỏ tiền ra xây đình chợ, lán trại bằng tranh tre nửa mét. Khi dân tứ xứ tập nập chuyển hàng hóa buôn bán ngày càng đông, quan phủ Thanh Chương bỏ tiền xây đình chợ lợp ngói, xây ki ốt cho dân mở các thương hiệu như cắt tóc, rèn, bán thuốc Bắc, dép, gốc, hàng mây tre đan rõ rã, dần sàng, hàng ăn vặt...

Sang thời nhà Nguyễn, chợ được mở rộng, tu bổ lại đình chợ xây tường lợp ngói rất đẹp, xung quanh có bãi đất trống xây dựng các lán trại. Chợ mở 4 cửa: Cửa Đông đón thuyền ở vùng biển Cửa Hội, Cửa Lò lên mang theo ruốc, nước mắm, cá, mực khô lên trao đổi; Cửa Nam đón khách các vùng Đức Thọ, Đức Tùng, Đức Châu, Thọ Toán (Hà Tĩnh) mang theo lúa gạo, cau trầu, vải tơ lụa...; Cửa Tây đón khách vùng

huyện Anh Sơn, Đô Lương miền Tây Nghệ An xuống bán chè xanh, củ nâu, mật ong, tranh tre nửa mét, gỗ, củi; Cửa Bắc đón khách đường bộ vùng Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc, Diễn Châu, Quỳnh Lưu đưa vào các loại hàng bông vải, tơ lụa, lúa gạo, ngô, khoai, dè cốt... Chợ Rộ họp tháng 3 phiên vào ngày 1, 11, 21 hàng tháng, thời gian sau chuyển sang ngày 10, 20, 30 hàng tháng. Đến ngày phiên chợ, thuyền bè theo sông Rộ chờ hàng hóa trong ra ngoài vô tấp nập. Theo sông Lam chờ hàng lâm thổ sản từ miền Tây xuống. Từ khi có đường Hồ Chí Minh, đường du lịch ven sông Lam, chợ Rộ có hàng từ Nam Định, Hải Phòng, Hà Nội, Huế, Đồng Hới, Vinh... vào buôn bán.

Trong đình chợ có những sập hàng vải tơ, lụa của các làng nghề thủ công dệt vải nổi tiếng như lụa làng Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu), làng Phụng Lịch (Diễn Châu), vải lụa Đông Thái (Đức Thọ), Nam Kim, Xuân Hồ, Xuân Liễu, Trung Cấn (Nam Đàn)... Hàng vải có nhiều loại, loại tốt dành cho người giàu có, quan lại quyền quý, họ mua may quần áo đi lễ hội, chùa chiền; vải thô dành cho con em nhà nghèo như vải nhuộm nâu dùng lao động sản xuất. Người chợ Rộ bán vải nói năng từ tốn, chào hàng lịch sự. Nếu khách mua trả giá quá thấp, họ cũng chỉ cười chứ không tỏ vẻ khó chịu như người hàng tôm, hàng cá.

Gạo bán chợ Rộ có nhiều loại thơm ngon như gạo Tám thơm, gạo lúa dự, gạo nếp cẩm, nếp rồng (Yên Thành) thơm ngon nổi tiếng đã từng đưa đi cống nhà vua. Để có hạt gạo đưa vào chợ bán, ngoài việc nhập gạo trong Nam ngoài Bắc. Gạo chợ Rộ phần lớn là người buôn đưa hàng từ các huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Yên Thành về bán. Ngày xưa mua bán gạo chợ Vinh chưa có cân mà chỉ đong gạo bằng mủng (thường gọi là mủng chực) bằng đấu, bằng lon (ống sữa bò) làm chừng. Sau này mua bán bằng cân, nhưng thường cũng bị làm sai lệch 1kg gạo mua về cân lại chính xác chỉ còn 8 lượng mà thôi.

## XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

Xứ Nghệ ngày xưa nổi tiếng là vùng quê có rất nhiều nghề thủ công truyền thống như: Nghề dệt chiếu cói Yên Lưu (xã Hưng Hòa), Trảng Thịnh (Nghị Thái); Nghề đan dè cót làng Do Nha (Hưng Nguyên); Nghề đan, mây, tre xuất khẩu Xuân Cảnh, Xuân Dương; Nghề đan lát xã Hưng Đông; Nghề đan bồ Nam Sơn (Nghị Xuân); Nghề đan lờ (Diễn Hồng)... Mỗi nghề thủ công về đan lát, dệt chiếu, bện võng... đều có một gian hàng bày bán hàng ở chợ. Hàng này, dân dùng nhiều nên hàng hóa bán rất chạy bao nhiêu cũng hết.

Rỏ rá bán ở chợ Rộ có nhiều loại công dụng khác nhau: rỏ dùng đựng khoai, ngô; rỏ thưa dùng rửa chè, rửa rau các loại; rỏ dùng vò gạo, đựng khoai luộc, lạc luộc; lờ, đục dùng để đơm cá ở trộ nước chảy; nhũ thì dùng để nhũ hén dưới sông, nhũ dam, nhũ cá; gióng mây có nhiều loại dùng để gồng gánh như gióng 4 dây, 6 giây, 8 giây, đầu gióng có đan trúc kép 2 lớp, trúc độn một lớp; đòn gánh làm bằng tre huế, tre gốc; đòn xóc hai đầu vuốt nhọn dùng để xóc lúa gòn về nhà xay đập. Đòn gánh, đòn xóc lúa gắn liền với nghề làm nông ở Nghệ An.

Hàng bán tơ, nón chợ Rộ phần lớn khách buôn từ chợ Cồn lên đây nhập bán với nhiều chủng loại áo tơ, nón mũ. Nón dẫu là nón có chóp bằng kim loại. Loại nón dẫu chóp đồng, mái ngắn che không kín vai dành riêng cho lính thời xưa. Nón dẫu mái dài, dài hơn cả nón thông thường, chóp bằng đồng hay bằng bạc dành cho lớp trung lưu, các thầy tú, thầy cử, các nhà bá hộ, các ông cai tổng đầu đội nón dẫu, tay cầm quạt nan sừng, trông thật oai vệ. Nón kinh bán ở chợ Rộ, được lợp bằng lá cọ non, sống lá gài sát nhau, nan xuống tuốt, rất trơn, có giấy trang kim cắt chữ, hoa lá, chim muông để trang trí. Nón kinh may bằng sợi tơ, điểm sợi móc. Các chàng trai, các nàng con nhà giàu thích ăn diện mới dùng loại này. Nón thúng tức là nón quai thao chỉ dành riêng cho nữ giới. Nón của loại nón này bề thẳng đứng nên xứ Nghệ đặt tên cho nó như vậy. Nón thúng thêm giá trị bởi bộ quai thao dệt bằng tơ, thắt quả trám, đánh giải kim tông thông xuống. Quả trám thắt bằng tơ, có khi thay thế nó bằng cái khánh bạc đính giải kim tông. Nón thúng được dùng vào ngày hội đèn Bạch Mã. Cô gái nào mới về nhà chồng chẳng lẽ không có cái

nón đẹp để đưa dâu trong ngày hạnh phúc trăm năm.

Chợ Rộ cũng có bán, buôn loại quạt giấy của làng Ngọc Sứ (Nghị Lộc). Quạt giấy có chất lượng cao, bền và đẹp. Nó trở thành một sản phẩm hàng hóa. Những người quanh vùng thường đặt hoặc mua quạt làng Ngọc Sứ rồi đem bán ở nhiều vùng khác nhau. Trước đây người thợ thủ công thường dùng sừng trâu chẻ nhỏ làm quạt. Khi gần đầu nan xong, người ta ép chặt tạo thành nụ ở hai bên.

Quạt chất lượng cao (gọi là quạt đặt), chỉ sản xuất theo yêu cầu của khách hàng. Quạt đặt có chất lượng cao hơn ở chỗ: nan tre (nan trong) dùng loại tre cật hai nan, ngoài dùng vỏ hộp già cở màu sẫm, có người câu kỳ hơn đặt nan bìa làm bằng sừng trâu hay ngà voi, còn giấy phát quạt là loại giấy quuyến.

4. Người Võ Liệt, Thanh Chương rất trọng giá trị văn hóa tinh thần của quê hương mình. Những ngày phiên chợ, hoặc đêm thanh gió mát, các phường trai gái tổ chức hát giao duyên. Họ say sưa với những điệu dân ca như hát ví, hát dặm, hát đò đưa, hát phường vải, hò, vè, đối đáp. Họ gửi gắm tâm hồn, bày tỏ ước vọng, thổ lộ tình yêu đôi lứa.

Rất nhiều đôi lứa hát giao duyên tại chợ Rộ đã thành vợ thành chồng, đi làm ăn đây đó vẫn luôn nhớ về cái chợ quê mình bình dị mà thân thương, trở thành kỷ niệm khó quên.

Đứng trên cầu Rộ bây giờ, ngó vào thôn Trung Đức, san sát nhà dân xây mới khang trang được ôm lấy bởi những con đường thôn phong quang, duyên dáng. Chợ Rộ nay tháng 30 phiên, nhộn nhịp người về chợ không chỉ bởi ở đây dồi dào sản vật, hàng hóa, phong phú các dịch vụ mà như còn có gì đó níu kéo tâm tưởng về một làng quê vùng trung tâm huyện lỵ xưa sầm uất trên chợ dưới thuyền và cổ kính những quán, chùa... Đất bề dày văn hóa ấy còn ghi dấu son vào trang sử đấu tranh quyết liệt của cách mạng nước nhà với những ký ức tự hào cho mãi muôn đời sau./.